



Kiến thức trọng tâm

- Số bị chia, số chia, thương.
- Bảng chia 2.



Số bị chia, số chia, thương

Bài 1: Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Hãy chỉ ra số bị chia, số chia và thương trong phép chia:

$$16 : 2 = 8$$

A. Số bị chia là 16, số chia là 8, thương là 2.

B. Số bị chia là 8, số chia là 16, thương là 2.

C. Số bị chia là 16, số chia là 2, thương là 8.



Bài 2: Điền số thích hợp vào bảng sau.

Số bị chia	12		16		20	
Số chia	2	2		2		2
Thương		5	8	7	10	8

Bài 3: Nêu tên thành phần phép tính trong phép chia:

Mẫu: $6 : 2 = 3$

6 là số bị chia

2 là số chia

3 là thương

$$16 : 2 = 8$$

$$15 : 5 = 3$$

.....
.....
.....

Bài 4. Tính

$$10\text{cm} : 2 = \dots\dots$$

$$12\text{cm} : 2 = \dots\dots$$

$$20\text{cm} : 2 = \dots\dots$$

$$8\text{cm} : 2 = \dots\dots$$

$$18\text{kg} : 2 = \dots\dots$$

$$14\text{kg} : 2 = \dots\dots$$

$$8\text{kg} : 2 = \dots\dots$$

$$4\text{ kg} : 2 = \dots\dots$$

Bài 5: Số?

Cô giáo có 16 cái bánh.

a. Cô chia 16 cái bánh cho các bạn, mỗi bạn được 2 cái bánh. Hỏi có mấy bạn được chia bánh?

Có số bạn được chia bánh là: : = (bạn)

b*. Cô chia đều 16 cái bánh cho 8 bạn. Hỏi mỗi bạn được mấy cái bánh?

Mỗi bạn được số cái bánh là: : = (cái bánh)

Bài 6: Có một sợi dây dài 15cm được cắt thành các đoạn bằng nhau, mỗi đoạn dài 5cm. Hỏi sợi dây đó cắt được mấy đoạn?

Bài giải



Bài 7: Cô giáo có 2 chục quyển vở. Cô giáo thưởng cho mỗi học sinh 2 quyển vở thì vừa đủ. Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn học sinh được thưởng vở?

Bài giải

Bài 8: Điền số thích hợp vào chỗ chấm trong dãy số sau.

48; 24; 12; 6;